

Họ và tên:

Lớp:

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ 1 – ĐỀ 15

Môn: Toán – Lớp 3

Bộ sách: Cánh diều

Thời gian làm bài: 40 phút

I. TRẮC NGHIỆM

(Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng)

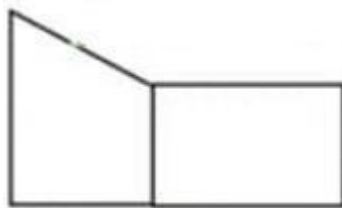
Câu 1. Số 285 được đọc là:

- A. Hai trăm tám mươi lăm
- B. Hai tám năm
- C. Hai trăm tám năm
- D. Hai trăm tám chục năm đơn vị

Câu 2. Năm nay bố 42 tuổi, con 6 tuổi. Tuổi bố gấp tuổi con số lần là:

- A. 35 lần
- B. 6 lần
- C. 7 lần
- D. 8 lần

Câu 3. Hình vẽ bên có mấy góc vuông:



- A. 4
- B. 5
- C. 6
- D. 7

Câu 4. $8\text{m } 50\text{mm} = \dots\dots\dots \text{mm}$. Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A. 850
- B. 85
- C. 8005
- D. 8050

Câu 5. Một đoàn khách gồm 55 người muốn qua sông. Mỗi chuyến thuyền chỉ chở được 5 người kể cả người lái thuyền. Hỏi cần ít nhất bao nhiêu thuyền để chở hết số khách đó.

- A. 12 thuyền
- B. 13 thuyền
- C. 14 thuyền
- D. 15 thuyền

Câu 6. Hộp cà phê cân nặng 132 g, vỏ hộp cân nặng 12 g. Biết mỗi gói cà phê nhỏ ở trong hộp nặng 8g. Hỏi hộp cà phê đó có bao nhiêu gói?

- A. 16 gói
- B. 15 gói
- C. 18 gói
- D. 20 gói

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Đặt tính rồi tính.

215×3

$284 : 2$

.....

.....

.....

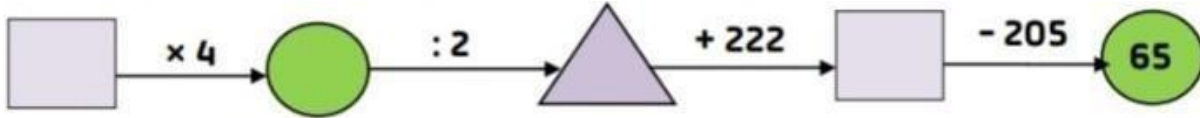
Câu 2. Điền dấu $>$, $<$, $=$

a) $1 \text{ kg} \dots\dots\dots 900 \text{ g} + 10 \text{ g}$

b) $180 \text{ mm} \dots\dots\dots 19 \text{ cm}$

c) $4 \text{ l} \dots\dots\dots 4000 \text{ ml}$

Câu 3. Điền số thích hợp vào ô trống:



Câu 4. An có 9 nhãn vở. Bình có số nhãn vở gấp 5 lần số nhãn vở của An. Chi có số nhãn vở gấp 2 lần số nhãn vở của Bình. Hỏi Chi có bao nhiêu nhãn vở?

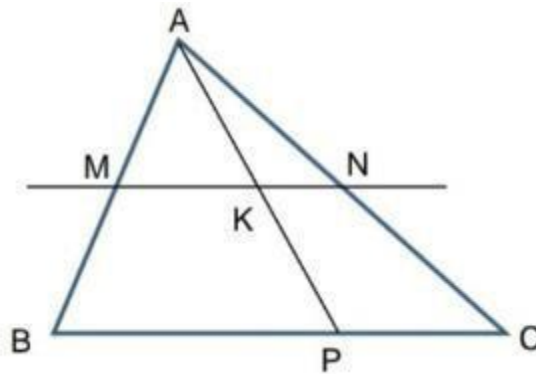
.....

.....

.....

.....

Câu 5. Hình bên có:



- đoạn thẳng
- đường thẳng
- hình tam giác
- hình tứ giác

